

UBND TỈNH TRÀ VINH  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-STC

Trà Vinh, ngày tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG TỰ DO VÀ**  
**CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ VÀ CÔNG SẢN**  
**THÁNG 04 NĂM 2020**

**I/- TÌNH HÌNH GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG:**

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh, chỉ số tiêu dùng (CPI) tháng 4 năm 2020 giảm 1,21% (thành thị giảm 0,97%, nông thôn giảm 1,85% so với tháng trước); tăng 2,63% so cùng tháng năm trước, giảm 1,52% so tháng 12 năm trước. CPI bình quân 4 tháng năm 2020 so cùng kỳ năm trước tăng 5,09%.

**CHỈ SỐ GIÁ HÀNG TIÊU DÙNG,**  
**CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA**  
**TOÀN TỈNH, THÀNH PHỐ THÁNG 4/2020**  
**(Theo số liệu của Cục thống kê tỉnh)**

NHÓM HÀNG	Chỉ số giá so với (%)				Bình quân cùng kỳ
	Kỳ gốc 2014	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
<b>Chỉ số giá tiêu dùng</b>	120,43	102,63	98,48	98,79	105,09
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124,55	109,17	99,65	99,50	111,21
1. Lương thực	107,55	103,30	102,02	102,49	100,23
2. Thực phẩm	125,65	111,12	98,15	98,52	115,41
3. Ăn uống ngoài gia đình	139,49	108,39	103,23	101,22	107,59
II. Đồ uống và thuốc lá	114,42	105,03	101,67	105,36	102,54
III. May mặc, mũ nón, giày dép	129,32	101,21	101,51	100,02	101,72
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	103,68	93,49	101,03	100,71	93,44
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	109,98	103,90	102,81	100,18	103,65
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	269,04	103,77	99,95	100,02	103,70
VII. Giao thông	78,56	82,57	79,88	85,63	100,07
VIII. Bưu chính viễn thông	105,01	100,81	100,74	99,97	100,82
IX. Giáo dục	151,30	102,06	100,06	99,94	102,14
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	102,93	100,74	100,78	99,26	102,31
XI. Hàng hóa và dịch vụ khác	110,81	100,75	99,78	99,57	101,72
Vàng 99,99%, kiêu nhẫn tròn 1 – 2 chỉ	133,18	120,05	105,96	98,84	119,70
Đôla Mỹ, loại tờ 50 – 100 USD	106,11	96,89	96,94	101,16	95,95

Diễn biến cụ thể một số mặt hàng chính tại thị trường tự do trên địa bàn tỉnh Trà Vinh như sau:

### **1). Hàng lương thực:**

Giá lương thực bán lẻ cho người tiêu dùng trong tháng ổn định hoặc tăng (giảm) nhẹ so với tháng trước: Giá bán lẻ lúa thường (lúa sạch) cho người tiêu dùng bình quân ở mức 8.000 đồng/kg; giá mua nông sản thóc tẻ thường ở mức 5.500 đồng/kg; gạo thường bình quân ở mức 12.000 đồng/kg (+ 1.000 đồng/kg); gạo Tài nguyên bình quân ở mức 15.000 đồng/kg; gạo thơm Lài sữa 17.000 đồng/kg; gạo thơm Mỹ 14.000 đồng/kg; gạo thơm Thái 20.000 đồng/kg.

### **2). Hàng nông sản thực phẩm:**

Giá heo hơi trong tháng tăng nhẹ, bình quân ở mức 80.000 đồng/kg (+ 4.000 đồng/kg); giá bán lẻ thịt lợn nạc thăn bình quân ở mức 155.000 đồng/kg; Thịt bò thăn bình quân ở mức 260.000 đồng/kg.

Giá bình quân gà ta bình quân ở mức 100.000 đồng/kg; Cá lóc đồng loại I bình quân ở mức 150.000 đồng/kg.

Giá đường tinh luyện RE Coop ổn định bình quân ở mức 19.5000 đồng/kg; Bia Heineken bình quân ở mức 390.000 đồng/thùng; Nước ngọt có gas 7 Up 180.000 đồng/thùng; Cocacola 190.000 đồng/thùng.

Một số loại rau, củ, quả trong tháng tăng (giảm) hoặc ổn định so với tháng trước. Cụ thể: rau cải xanh 20.000 đồng/kg (+ 5.000 đồng/kg); Bắp cải trắng 15.000 đồng/kg (+ 3.000 đồng/kg); Bí xanh 15.000 đồng/kg; Cà chua 15.000 đồng/kg.

### **3). Hàng tư liệu sản xuất:**

Giá bán lẻ vật tư nông nghiệp trong tháng tăng (giảm) nhẹ hoặc ổn định so với tháng trước, bình quân ở mức: Phân Urê (Đạm Cà Mau) 7.500 đồng/kg (+ 100 đồng/kg); phân NPK (20.20.15 Bình Điền) 12.700 đồng/kg; thuốc thú y Ampicillin 59.000 đồng/1gói/1kg (- 1.000 đồng/1gói/1kg); Amoxicillin 34.000 đồng/100g/gói (- 1.000 đồng/100g/gói).

Vật liệu xây dựng trong tháng nhìn chung đa số các mặt hàng đều ổn định so với tháng trước: Xi măng Holcim PCB40 90.000 đồng/bao; Sắt Ø 6 liên doanh 13.800 đồng/kg; cát xây 280.000 đồng/m<sup>3</sup>.

Giá Gas Petrolimex trong tháng giảm mạnh 69.000 đồng/bình/12kg so với tháng trước, bình quân bán ra ở mức 270.000 đồng/bình/12kg.

Trong tháng 4 năm 2020 Liên Bộ Công thương – Tài chính 02 lần điều chỉnh giảm giá mạnh từ 1.760 đồng/lít – 2.905 đồng/lít (tùy loại). Hiện nay, giá bán lẻ xăng, dầu các loại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Cụ thể như sau:

- Xăng RON 95      11.630 đồng/lít;
- Xăng E5 RON 92 10.940 đồng/lít;
- Dầu hỏa              7.960 đồng/lít;

- Dầu Đêzen 0,05S 9.940 đồng/lít.

### **5). Hàng kim khí:**

Giá vàng trong nước luôn biến động tăng (giảm) liên tục chủ yếu do ảnh hưởng của sự biến động giá vàng thế giới. Hiện giá vàng bình quân trong tháng bán ra bình quân ở mức 4.676.000 đồng/chỉ (+ 158.500 đồng/chỉ so với tháng trước).

Tỷ giá đô la Mỹ tại Ngân hàng thương mại trong tháng tăng so với tháng trước. Giá đô la Mỹ bình quân bán ra ở mức 23.559 đồng/USD (+ 166 đồng/USD).

## **II/. CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ – CÔNG SẢN:**

Trong tháng 4 năm 2020 đã thực hiện được một số việc chủ yếu sau:

### **1. Lĩnh vực Quản lý giá:**

\* Trình UBND tỉnh: Ban hành Quyết định quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2020 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

\* Công văn gửi các Sở, ngành: Ý kiến mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông năm học 2020 – 2021; ý kiến ban hành đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Báo cáo tình hình giá cả thị trường tự do tháng theo quy định và thực hiện công tác thu thập thông tin giá cả thị trường tự do trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính.

### **2. Lĩnh vực Quản lý công sản:**

\* Tờ trình UBND tỉnh: Báo cáo việc mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng (Bộ thiết bị đo chỉ số Octane và Cetane trong xăng dầu lưu động) để phục vụ công tác của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh; Việc mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng (Máy tính xách tay có cấu hình cao) để phục vụ công tác của Ban chỉ đạo 35; đề xuất việc chuyển giao cho địa phương quản lý, xử lý các trụ sở làm việc dôi dư của các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

\* Bộ Tài chính: Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công tỉnh Trà Vinh năm 2019.

\* Công văn gửi các Sở, ngành: thẩm định VBQPPL Quyết định quy định mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

### **3. Lĩnh vực tài chính về đất đai:**

- Ý kiến về giá đất cụ thể thực hiện công trình Cải tạo, nâng cấp đường nội Hương lộ 20 – Hương lộ 12, huyện Cầu Ngang; đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh số liệu về giá đất cụ thể để thực hiện công trình Trạm biến áp và Đường dây 110kV Duyên Trà – Nhà máy điện gió số 01 Trà Vinh;

ý kiến về việc tính tiền thuê đất của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn – Trà Vinh.

- Ban hành 3 văn bản xác định số tiền được trừ vào tiền thuê đất phải nộp khi nhà đầu tư thực hiện dự án với tổng số tiền 679,5trđ; Thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp đối với 02 doanh nghiệp với số tiền 206,2trđ.

### **III/- KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 5 NĂM 2020:**

- Xây dựng dự thảo Quyết định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của ngành y tế, giáo dục.

- Tổ chức thẩm định giá đất cụ thể để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình Trạm biến áp và Đường dây 110kV Duyên Trà - Nhà máy điện gió số 1 Trà Vinh.

- Tham gia Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể để thẩm định phương án giá đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất (đối với dự án từ 20 tỷ đồng trở lên) và bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Thực hiện thường xuyên công tác báo cáo, thu thập thông tin giá cả thị trường tự do trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính.

Trên đây là tình hình diễn biến giá cả hàng hóa thị trường tự do trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và công tác Quản lý giá – Công sản báo cáo Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính./.

#### ***Nơi nhận:***

- Cục QLG;
- Cục Công sản;
- VP.Tỉnh Ủy;
- UBND tỉnh;
- BGĐ STC;
- Sở Công thương (để biết) ;
- P.TCDN&THTK;
- Lưu: VT; Phòng QL&CS.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vũ Hồng Dương**